

T, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Số: 33/2023/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 143/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1973; Địa chỉ: STH15.11 đường ..., phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: chị Võ Thị Nhật H, sinh năm 1997; Địa chỉ: khu phố .., phường Hòa ..., thị xã Đông ..., tỉnh Phú Yên theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2023.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1991; Địa chỉ: 11B/23 Nguyễn ..., phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Xuân V phải trả cho chị Lê Thị P tổng cộng số tiền 290.000.000 đồng (*hai trăm chín mươi triệu đồng*), không tính lãi suất về khoản tranh chấp hợp đồng đại lý.

Thời gian và phương thức trả nợ cụ thể như sau:

Lần 1: Từ ngày 07/8/2023 đến ngày 07/9/2023 anh V phải trả cho chị P số tiền 72.500.000 đồng (*bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*);

Lần 2: Từ ngày 08/9/2023 đến ngày 08/10/2023 anh V phải trả cho chị P số tiền 72.500.000 đồng (*bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*);

Lần 3: Từ ngày 09/10/2023 đến ngày 09/11/2023 anh V phải trả cho chị P số tiền 72.500.000 đồng (*bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*);

Lần 4: Từ ngày 10/11/2023 đến ngày 11/12/2023 anh V trả dứt điểm cho chị P số tiền nợ còn lại là 72.500.000 đồng (*bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ*

quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Xuân V thống nhất thỏa thuận, mỗi bên tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm là 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)/2 = 3.625.000 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn), cụ thể: Anh Nguyễn Xuân V tự nguyện chịu 3.625.000 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Chị Lê Thị P tự nguyện chịu 3.625.000 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.494.000 đồng (bảy triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009911 ngày 31/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên nên hoàn lại cho chị P số tiền 3.869.000 đồng (ba triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp T;
- Chi cục THADS Tp T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Tân Sang